

Số: 392/2026/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 325/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần M.Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số A2-21.07 Khu Cao Ốc 56 đường S, Khu Phố M, Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Đoàn N.N, sinh năm 1990; HKTT: Số A2-19.01 Chung cư T, số 56 đường S, Khu Phố M, Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số 70 đường L, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1] Hôn nhân giữa bà Trần M.Q và ông Đoàn N.N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 17/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận H, Thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố N).

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 03/02/2026 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/02/2026, bà Trần Mai Quyên và ông Đoàn Ngọc Nam yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Trần M.Đ, sinh ngày 10/03/2017. Sau ly hôn, bà Trần M.Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành. Ông Đoàn N.N cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/1 tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Trần M.Q và ông Đoàn N.N tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con nên cần chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần M.Q và ông Đoàn N.N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 17/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận H, Thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố N) cấp cho bà Trần M.Q và ông Đoàn N.N không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Trần M.Đ, sinh ngày 10/03/2017. Sau ly hôn, bà Trần M.Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành. Ông Đoàn N.N cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/1 tháng.

Ông Đoàn N.N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng, một hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Trần M.Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đoàn N.N chưa thi hành số tiền cấp dưỡng thì hàng tháng thì ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Trần M.Q và ông Đoàn N.N phải chịu nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Trần M.Q và ông Đoàn N.N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0012398 ngày 11/02/2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 – TP. Hồ Chí Minh. Bà Q và ông N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7 – TP.HCM;
- UBND phường C, quận H, Thành phố N (nay là UBND phường C, Thành phố N);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Quốc Việt